

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoàn và ông Trần Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Văn Đ, có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2021 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn xong chị H về ăn ở chung cùng gia đình anh Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách cư xử của mỗi người trong cuộc sống hàng ngày khác nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ, công sức, đất canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Văn Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh có vay tiền của người khác nhưng không nói cho chị H biết. Do vậy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị H bỏ đi ra ở ngoài không ở cùng nhau nữa. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị H có đơn ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vẫn còn nên anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Biện pháp anh đưa ra là sẽ sắp xếp thời gian nói chuyện với chị H để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

* Xác minh tại xã T thể hiện: Anh Đỗ Văn Đ và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vào sổ đăng ký số 41/2021 ngày 07/5/2021.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn xong chị H về làm dâu gia đình anh Đ. Sau đó anh chị đi làm ăn ở miền N thỉnh thoảng anh chị mới về quê chơi. Do vậy, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay chị H có đơn ly hôn anh Đ. Quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải để anh chị về đoàn tụ trường hợp anh chị cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định, bị đơn không đến Tòa án để làm việc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Đỗ Văn Đ; Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, anh Đ hiện trú tại thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Đỗ Văn Đ nhưng anh Đ vẫn không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn Đ được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H về ăn ở chung cùng anh Đ và gia đình. Đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến khi Tòa án giải quyết, xét xử, giữa hai bên không có sự quan tâm, hàn gắn tình cảm với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt và không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Anh Đ mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn, khắc phục tình trạng vợ chồng. Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần, nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc không có lý do. Điều đó chứng tỏ việc anh Đ xin đoàn tụ là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Xét thấy, anh Đ và chị H đã ly thân từ năm 2022, đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện nên hôn nhân của chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Về quan hệ vợ chồng:* Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.
- 2. Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003112 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị H đã thực hiện xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hưng